

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 41/2018/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 17 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 236/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều V. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Đặng Văn L. Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đặng Văn X.

2/ Bà Phan Thị N

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Bà Phan Thị N. Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Kiều V và ông Đặng Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều V và ông Đặng Văn L thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đặng Lê Quốc Thắng, sinh ngày 13/9/2015 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng (hiện con đang sống với ông L), bà V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về chia tài sản chung: Ngày 09/4/2018 bà Lê Thị Kiều V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc “chia tài sản chung” đối với ông Đặng Văn L.

Về nợ chung: Ngày 09/4/2018 bà Phan Thị N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lê Thị Kiều V.

Việc rút yêu cầu khởi kiện của các đương sự là tự nguyện nên Tòa án chấp nhận, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc “chia tài sản chung” của bà Lê Thị Kiều V đối với ông Đặng Văn L.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Phan Thị N đối với đối với bà Lê Thị Kiều V.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án về việc “chia tài sản chung” và “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân: Hai đương sự thỏa thuận bà V tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007871 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà V được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Về án phí dân sự:

Bà Lê Thị Kiều V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007872 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bà Phan Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007998 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí